

# 12 Cung hoàng đạo tiếng Anh: Tính cách – Ý nghĩa đầy đủ

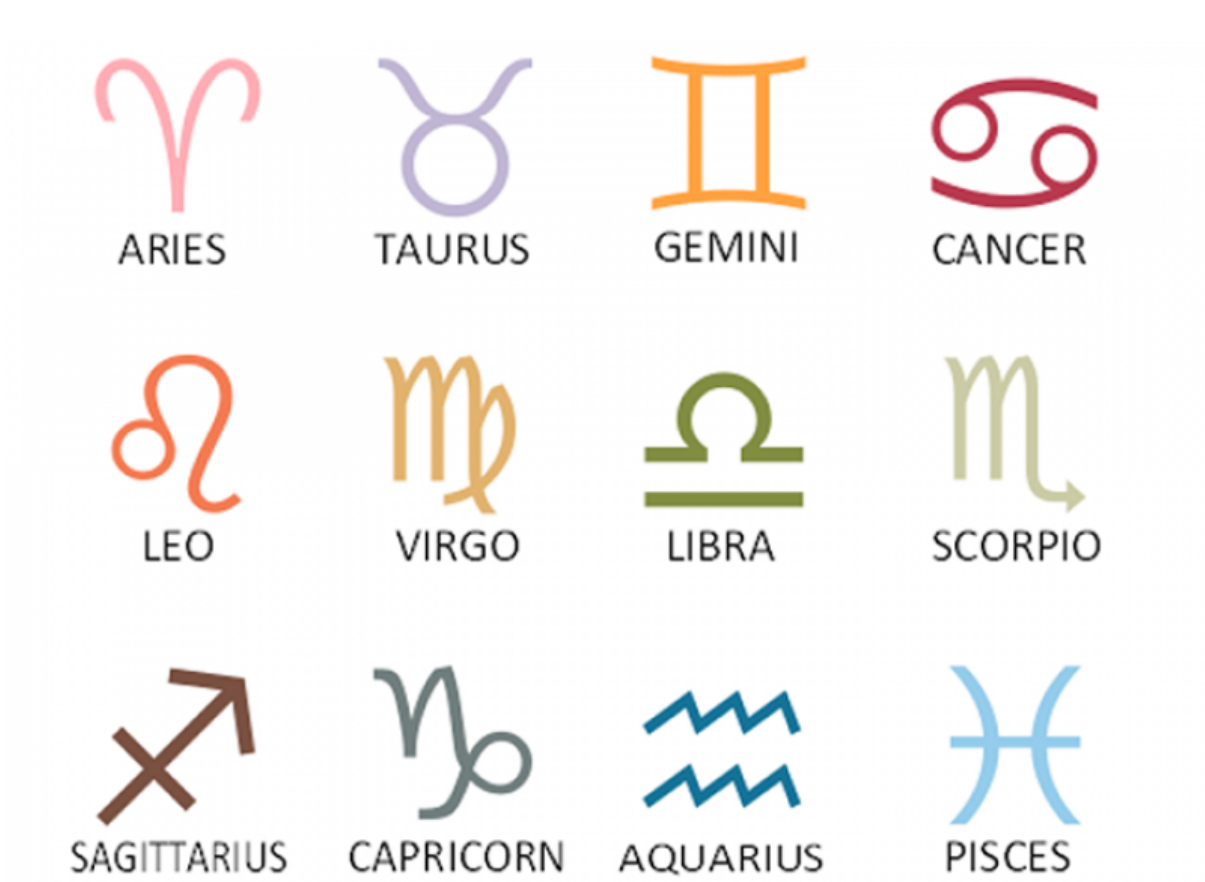
*12 Cung hoàng đạo đang là một trong một số khái niệm đang được khám phá của đại phần lớn những giới trẻ ngày nay, được dùng để tiên đoán tính cách, sở thích, công việc thích hợp dưới tương lai... Để tiện cho việc kiểm tìm thông báo cũng như cập nhật thêm vốn từ tiếng Anh, nội dung bài viết sau đây sẽ share về 12 cung hoàng đạo tiếng Anh cụ thể nhất.*

## Cung hoàng đạo trong tiếng Anh là gì?

Cung hoàng đạo tiếng Anh có tức là Zodiac hay còn được gọi là vòng tròn Zodiac, còn tiếng Hy Lạp tức là “Vòng tròn của những linh vật.”. Theo những nhà thiên văn học thời cổ đại, dưới khoảng thời gian 30 đến 31 ngày, Mặt Trời sẽ đi qua một dưới mười hai chòm sao tạo thành 12 cung dưới vòng tròn Hoàng đạo. Điều này cũng tương ứng với người được sinh đúng khoảng thời gian mặt trời đi qua chòm sao nào thì họ sẽ được chiếu mệnh bởi chòm sao đó và tính cách của họ cũng bị tác động bởi chòm sao đó.

Đối với chiêm tinh học và thiên văn học thời cổ đại, cung Hoàng Đạo là một vòng tròn 360o. Chúng được phân chia ra 12 nhánh, mỗi nhánh tương ứng với một cung có góc 30 độ. Từ các năm 1654 trước Công Nguyên, Cung Hoàng Đạo đã được tạo ra bởi một số nhà chiêm tinh học Babylon cổ đại. Vòng tròn 12 cung Hoàng Đạo gần như hoàn hảo với 12 cung tương xứng với bốn mùa và 12 tháng. Các cung hoàng đạo cũng được phân chia làm bốn

nhóm nhân tố (Lửa, Nước, Khí, Đất), mỗi nhóm nhân tố sẽ gồm 3 cung có tính cách tương đồng với nhau.



12 Cung hoàng đạo tiếng Anh: Tính cách – ý nghĩa đầy đủ

## Thứ tự 12 cung hoàng đạo tiếng Anh

| ST T | Tên Latinh | Tên chòm sao tương ứng | Ý nghĩa và biểu tượng | Ngày sinh tương ứng |
|------|------------|------------------------|-----------------------|---------------------|
| 1    | Aries      | Bạch Dương             | Con cừu trắng         | March 21-April 19   |

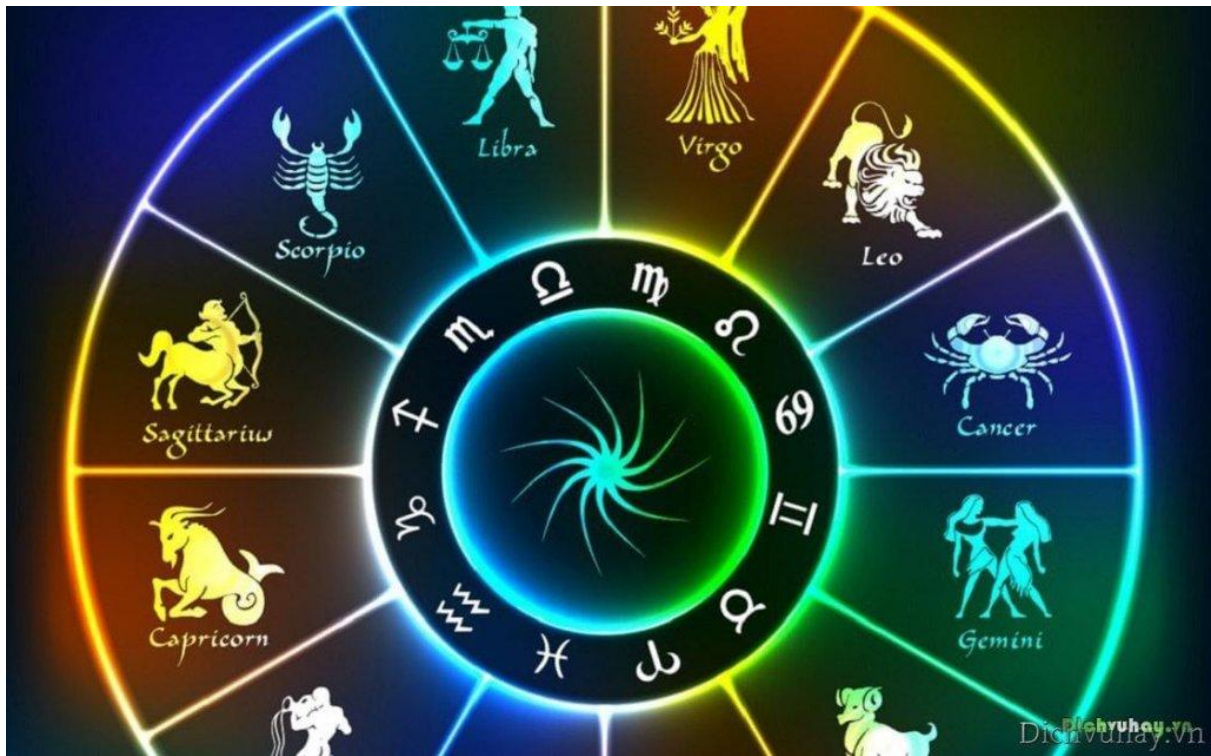
|    |             |            |                                               |                    |
|----|-------------|------------|-----------------------------------------------|--------------------|
| 2  | Taurus      | Kim Ngưu   | Con bò vàng                                   | April<br>20-May 20 |
| 3  | Gemini      | Song Tử    | Hai cậu bé song sinh (đôi lúc là hai cô bé)   | May<br>21-June 21  |
| 4  | Cancer      | Cự Giải    | Con cua                                       | June<br>22-July 22 |
| 5  | Leo         | Sư Tử      | Con sư tử                                     | July 23-Aug<br>22  |
| 6  | Virgo       | Thất Nữ    | Trinh nữ                                      | Aug<br>23-Sept 22  |
| 7  | Libra       | Thiên Bình | Cái cân                                       | Sept 23-Oct<br>23  |
| 8  | Scorpius    | Thiên Yết  | Con bọ cạp                                    | Oct 24-Nov<br>21   |
| 9  | Sagittarius | Nhân Mã    | Nửa trên là người, nửa dưới là ngựa, cầm cung | Nov 22-Dec<br>21   |
| 10 | Capricorn   | Ma Kết     | Nửa trên là dê, nửa dưới là đuôi cá           | Dec 22- Jan<br>19  |

|    |          |          |                            |               |
|----|----------|----------|----------------------------|---------------|
| 11 | Aquarius | Bảo Bình | Người mang (cầm) bình nước | Jan 20-Feb 18 |
| 12 | Pisces   | Song Ngư | Hai con cá bơi ngược chiều | Feb 19-Mar 20 |

Vòng tròn Hoàng đạo chia thành 12 cung. Chúng được phân ra theo bốn nguyên tố của toàn cầu theo quan niệm cổ phương Tây: đất, lửa, nước và khí. Một nhóm ba cung hoàng đạo tiếng Anh sẽ được xếp vào một nhóm nguyên tố, một số cung cùng chung nhóm cứ có điểm tương đồng với nhau nhất. Tuy nhiên, chẳng phải lúc nào hai cung khác nhóm cũng kị nhau. Ví dụ là nhóm Đất có thể liên kết hài hòa cùng nhóm Nước và nhóm Lửa tương đối phù hợp với nhóm Khí.

| Các nguyên tố          | Đầu mùa    | Giữa mùa   | Cuối mùa |
|------------------------|------------|------------|----------|
| Nguyên tố Lửa (Fire)   | Bạch Dương | Sư Tử      | Nhân Mã  |
| Nguyên tố Đất (Earth)  | Kim Ngưu   | Xử Nữ      | Ma Kết   |
| Nguyên tố Khí (Metal)  | Song Tử    | Thiên Bình | Bảo Bình |
| Nguyên tố Nước (Water) | Cự Giải    | Bọ Cạp     | Song Ngư |

## Tính cách 12 cung hoàng đạo trong tiếng Anh



12 cung hoàng đạo tiếng Anh: Tính cách – ý nghĩa đầy đủ

## 1. Capricorn (Ma kết 22/12-19/1)



*Cung hoàng đạo tiếng Anh Ma Kết*

- responsible: có trách nhiệm
- persistent: kiên trì
- disciplined: có kỉ luật
- calm: bình tĩnh
- pessimistic: bi quan
- conservative: bảo thủ
- shy: nhút nhát

**Tuyên ngôn: "Đời bắt tôi đợi – Nhưng tôi là kẻ xứng đáng mà!"**

Điểm mạnh: Kiên trì, quyết đoán, nghiêm túc, ít nói, sắc sảo

Điểm yếu: Khó tình, cố chấp, bi quan

Bất cứ chỗ nào trong biểu đồ của chúng ta có Ma Kết thì ở nơi đó chúng ta có thể cảm thấy như đang được trải qua những bài kiểm tra của cuộc sống, đòi

## 2. Aquarius (Bảo Bình 20/1-19/2)



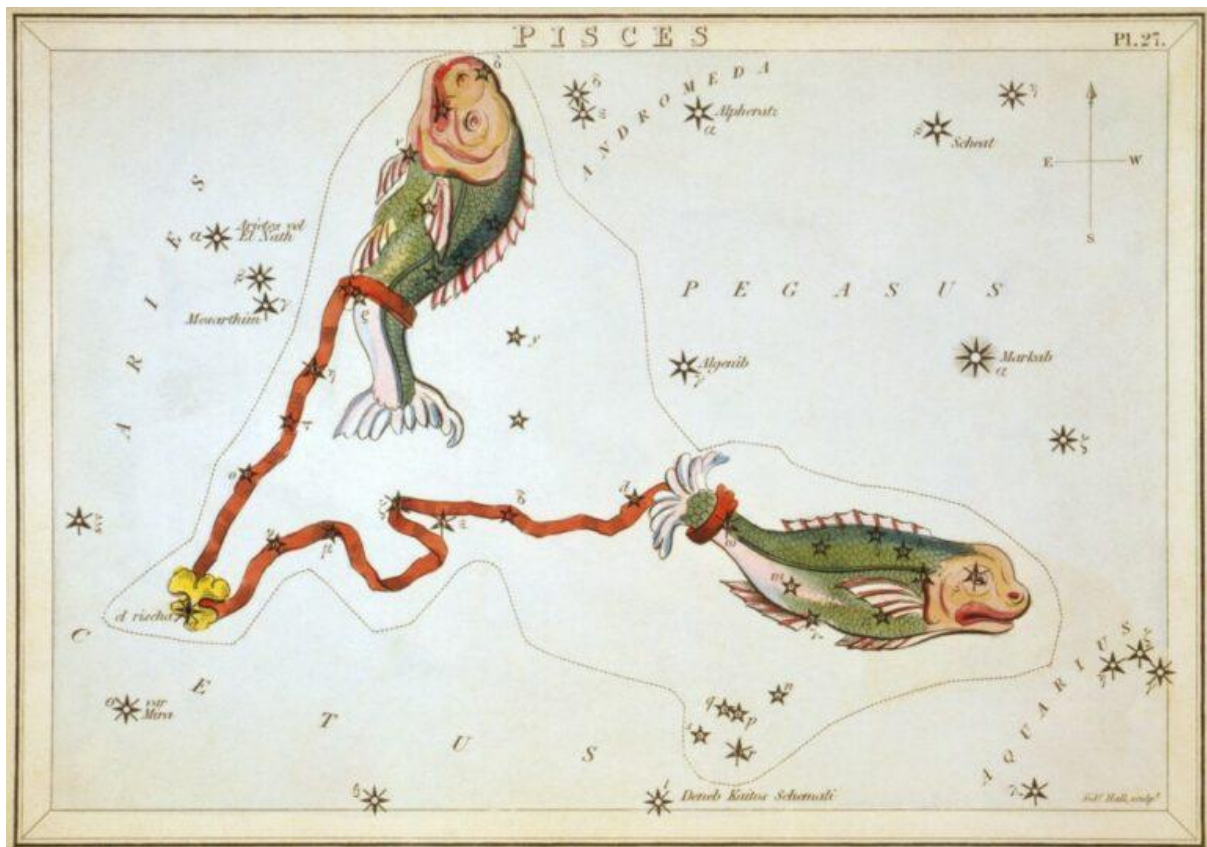
- Tuyên ngôn: "Tôi là một cái vung tròn tròn úp trên một cái nồi méo méo trong một thế giới cong queo!"**

Điểm mạnh: Tốt bụng, đáng tin, trung thành

Điểm yếu: Tức giận, vô cảm

Bảo Bình nằm ở nơi nào trong biểu đồ sinh của chúng ta thì nơi đó chúng ta được phép cua gấp và đổi hướng chạy cho xa khỏi những tư tưởng bảo thủ mà chúng ta nhận được từ những kẻ bảo thủ của xã hội truyền thống.

### 3. Pisces (Song ngư 20/2-20/3)



Cung hoàng đạo tiếng Anh Song Ngư

- romantic: lãng mạn
- devoted: hy sinh
- compassionate: đồng cảm, từ bi
- indecisive: hay do dự

- escapist: trốn tránh
- idealistic: thích lí tưởng hóa

**Tuyên ngôn: “Với một trái tim rộng mở, tôi bơi đến tận vùng nước sâu thẳm nhất của Vạn Vật!”**

Điểm mạnh: Nhạy cảm, dễ tính, vui vẻ, ấm áp

Điểm yếu: Mơ mộng, bồn chồn, thiếu tự tin

Song Ngư nằm ở bất cứ nơi nào trong biểu đồ của chúng ta, thì ở nơi đó chúng ta cần định hướng đi vào bên trong nội tâm và khám phá ra cách thức khiến khu vực thường gây bối rối cho cuộc sống của chúng ta này hoạt động có hiệu quả nhất.

Trên đây là tổng quan về 12 cung hoàng đạo trong tiếng Anh cùng với những điểm mạnh, điểm yếu của họ. Học từ vựng qua chủ đề mình ưa thích luôn mang đến động lực học tiếng Anh tuyệt vời. Đây cũng là một phương pháp hay bạn có thể thể thêm vào cẩm nang của mình để **học từ vựng hiệu quả**.

#### 4. Aries (Bạch Dương 21/3-20/4)



- generous: hào phóng
- enthusiastic: nhiệt tình
- efficient: làm việc hiệu quả
- quick-tempered: nóng tính
- selfish: ích kỉ
- arrogant: ngạo mạn

**Tuyên ngôn:** *"Tôi là tôi – Còn cậu thì không phải (là tôi)!"*

**Điểm mạnh:** Can đảm, sức mạnh của lý chí, cần cù, dám nghĩ dám làm

**Điểm yếu:** Cảm xúc, thiếu kiên nhẫn, nóng nảy

Trong tất cả các cung hoàng đạo tiếng Anh thì Bạch Dương có vẻ là cung yêu tốc độ nhất. Các cung Lửa và Gió coi trọng chuyện phản ứng mau lẹ trong cuộc sống, nhưng vì vừa là tiên phong lại vừa là Lửa, Bạch Dương đòi hỏi mọi

kết quả phải là nhanh nhất và có thể khá là thiếu kiên nhẫn khi thời gian ì ạch trôi đi.

## 5. Taurus (Kim ngưu 21/4-20/5)



Cung hoàng đạo tiếng Anh Kim Ngưu

- reliable: đáng tin cậy
- stable: ổn định
- determined : quyết tâm
- possessive: có tính sở hữu
- greedy: tham lam
- materialistic: thực dụng

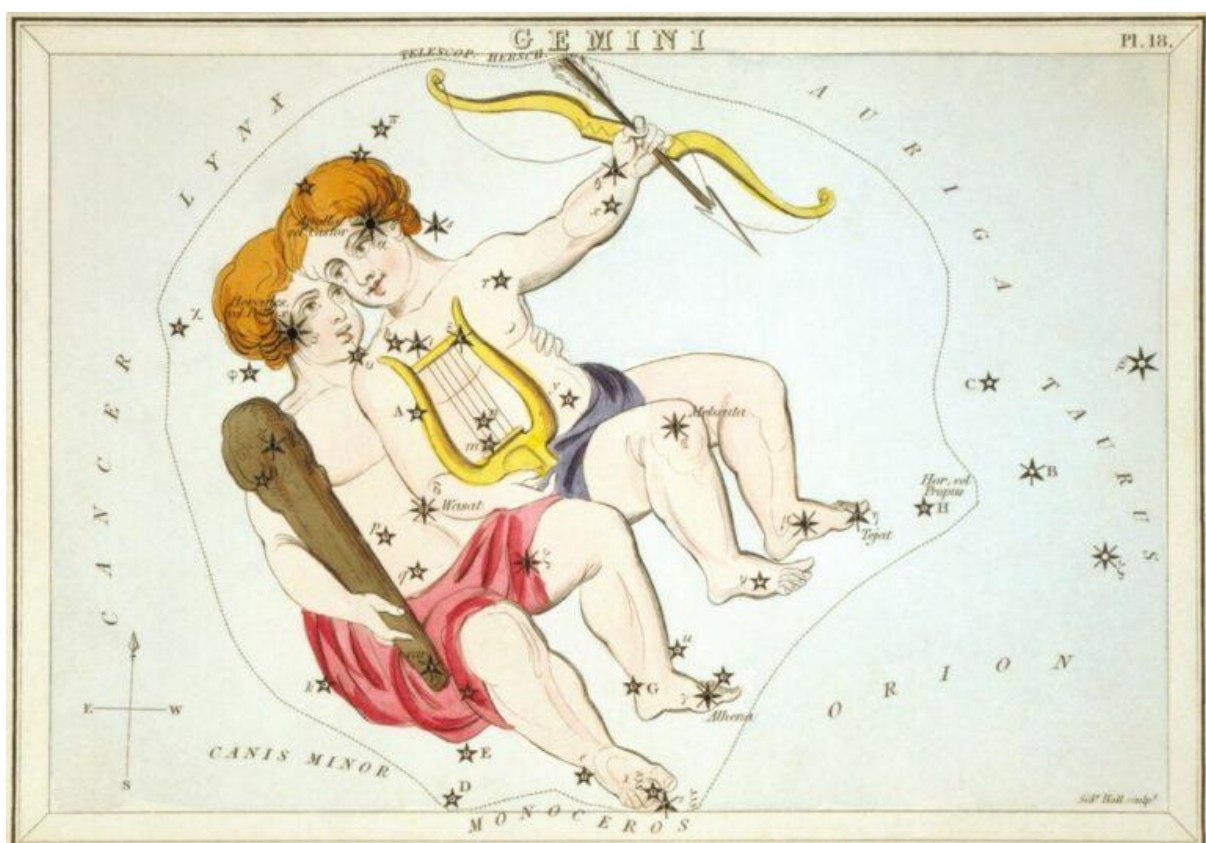
**Tuyên ngôn:** "Cái gì có thể mua được, cái đó là của tôi"

**Điểm mạnh:** Tự tin, kiên định, giàu năng lượng, gọn gàng, tốt bụng

**Điểm yếu:** Cổ chấp, không tha thứ, quá mức

Dường như hơi kỳ quặc khi theo ngay sau cung nhanh nhẹn nhất của vòng Hoàng Đạo (Bạch Dương) lại là cung chậm chạp nhất. Kim Ngưu – nghe cứ như là ta vừa đập phanh đánh két!. Kim Ngưu không thích tình huống nào đòi hỏi phải hành động ngay tức khắc. Kim Ngưu sở hữu những khao khát mạnh mẽ và đầy bản năng luôn tìm kiếm sự thỏa mãn cho bản thân. Tuy nhiên, Bò ta trước hết sẽ đánh giá bất kì tình huống trước mắt nào một cách lý trí rồi mới xuất lực.

## 6. Gemini (Song tử 21/5-21/6)



*Cung hoàng đạo tiếng Anh Song Tử*

- witty: hóm hình

- creative: sáng tạo
- eloquent: có tài hùng biện
- curious: tò mò
- impatient: thiếu kiên nhẫn
- restless: không ngơi nghỉ
- tense: căng thẳng

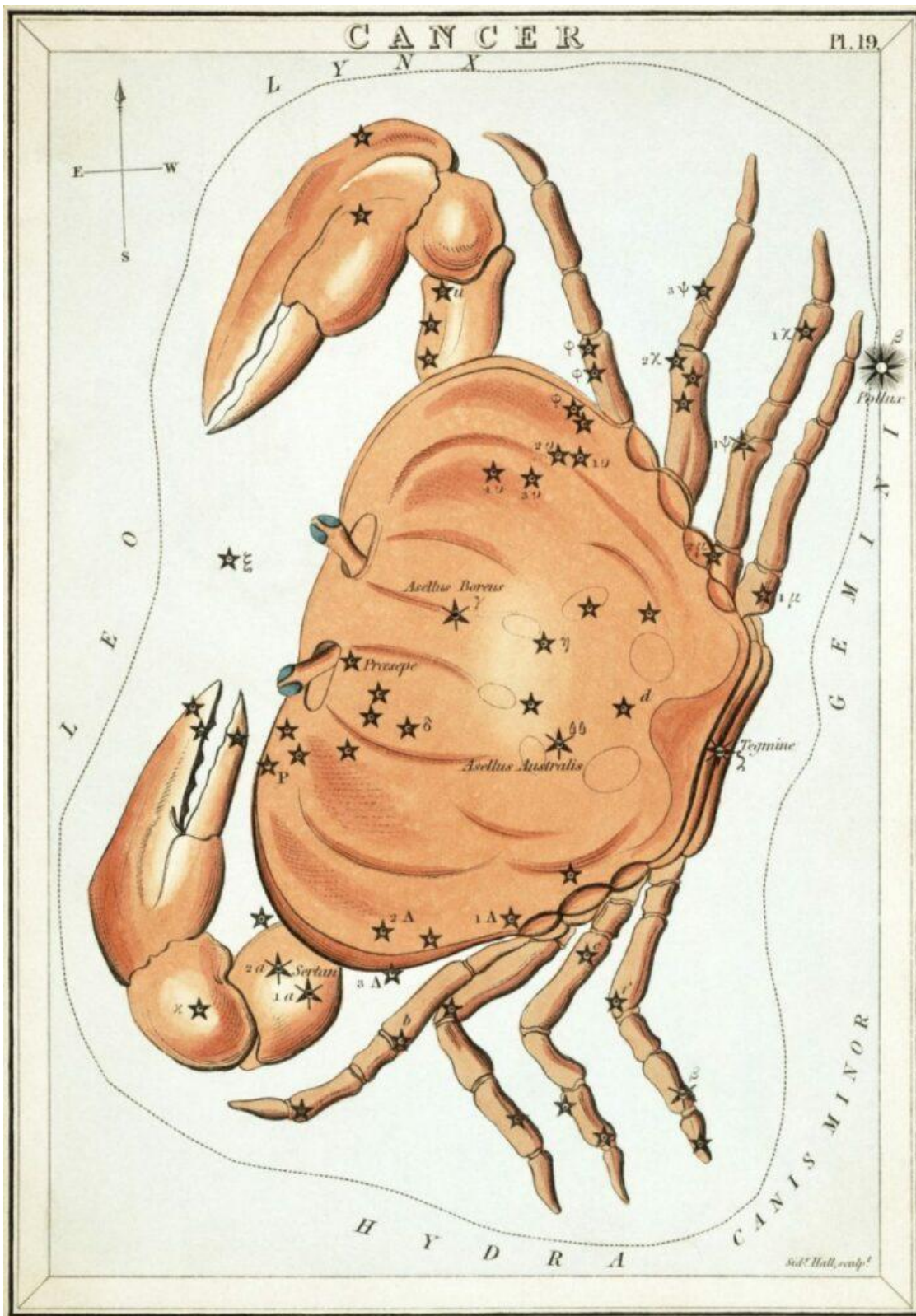
**Tuyên ngôn:** "*Bạn thích vụ này rồi đây, nói tiếp, nói tiếp đi!*"

**Điểm mạnh:** Khéo léo, hài hước, thuyết phục

**Điểm yếu:** Tò mò, bồn chồn, lo lắng, bất cẩn

Trong khi các cung kia cho ta sự khôn ngoan bẩm sinh của chúng, thì cái Song Tử đem đến cho nhận thức của chúng ta khá là khác biệt so với những gì đã được giới thiệu cho đến thời điểm này. Song Tử nằm ở khu vực nào trong biểu đồ sinh của chúng ta thì ở đó, cuộc đời không muốn ta cảm thấy như đang mắc kẹt trong lối mòn.

## 7. Cancer (Cự giải 22/6-22/7)



Cung

hoàng đạo tiếng Anh Cự Giải

- intuitive: bản năng, trực giác
- nurturing: ân cần

- frugal: giản dị
- cautious: cẩn thận
- moody: u sầu, ảm đạm
- self-pitying: tự thương hại
- jealous: ghen tuông

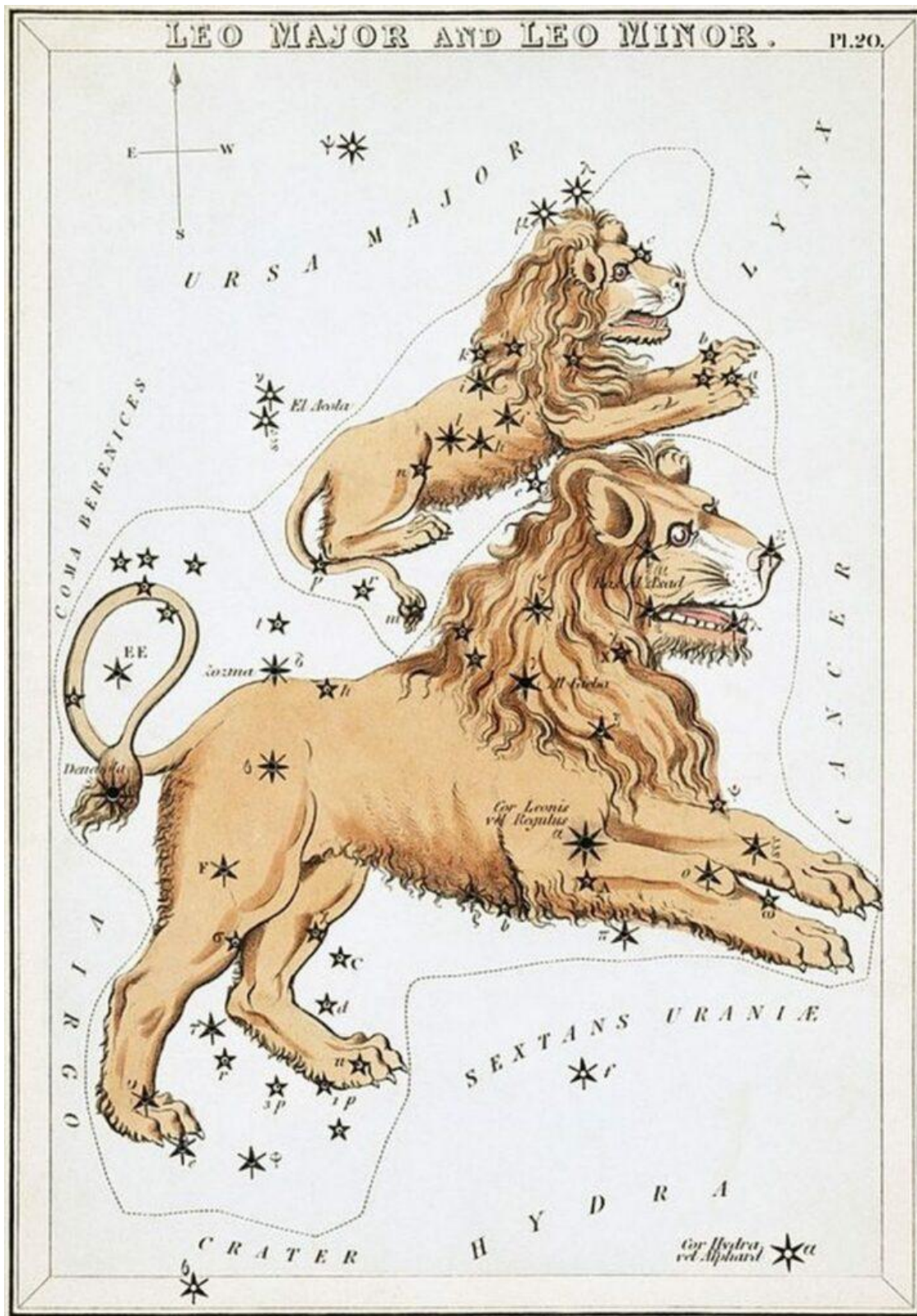
**Tuyên ngôn: “*Thật đau lòng khi phải nói chia ly – Nên xin đừng cất bước ra đi!*”**

Điểm mạnh: Nhạy cảm, hợp lý, con người của gia đình

Điểm yếu: Ủ rũ, cáu kỉnh, độc đoán

Bất cứ nơi nào trong biểu đồ ngày sinh của ta mà xuất hiện Cự Giải thì đây sẽ là nơi ta cần để tình cảm được chảy trôi vào thế giới cởi mở hơn. Hãy thành thật với những cảm xúc của mình, và chân thành giải quyết chúng, ngay vào lúc này.

## 8. Leo (Sư tử 23/7-22/8)



Cung

hoàng đạo tiếng Anh Sư Tử

- confident: tự tin
- independent: độc lập

- ambitious: tham vọng
- bossy: hống hách
- vain: hão huyền
- dogmatic: độc đoán

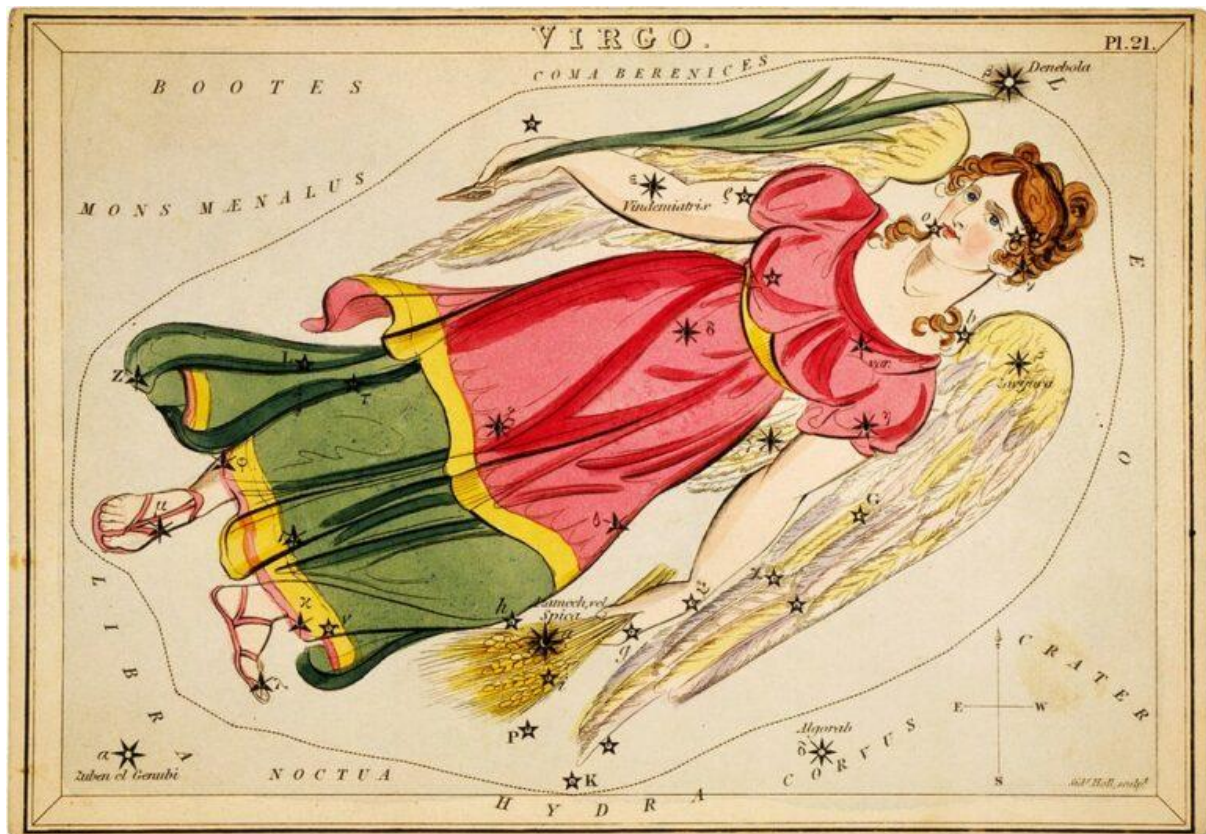
**Tuyên ngôn:** *“Màn trình diễn phải tiếp tục – để tôi thể hiện chứ!”*

**Điểm mạnh:** Tự tin, can đảm, quý phái, duy tâm

**Điểm yếu:** Bốc đồng, độc đoán, thích khoái lạc

Nơi nào trong biểu đồ ngày sinh của ta mà xuất hiện Sư Tử thì ấy sẽ là nơi ta cần chiều theo những khao khát phô bày tài năng. Ta sẽ thể hiện ra rằng mình cá tính đến cỡ nào. Ta không muốn chìm nghỉm giữa một biển người. Ta muốn sống thật với bản thân và sẽ không chấp nhận người đời lên lớp rằng mình nên trở thành người như thế nào để hòa nhập tốt hơn.

## 9. Virgo (Xử nữ 23/8-22/9)



*Cung hoàng đạo tiếng Anh Xử nữ*

- analytical: thích phân tích
- practical: thực tế
- precise: tỉ mỉ
- picky: khó tính
- inflexible: cứng nhắc
- perfectionist: theo chủ nghĩa hoàn hảo

**Tuyên ngôn:** ***"Em vừa tạo một danh sách – và còn kiểm tra nó hai lần."***

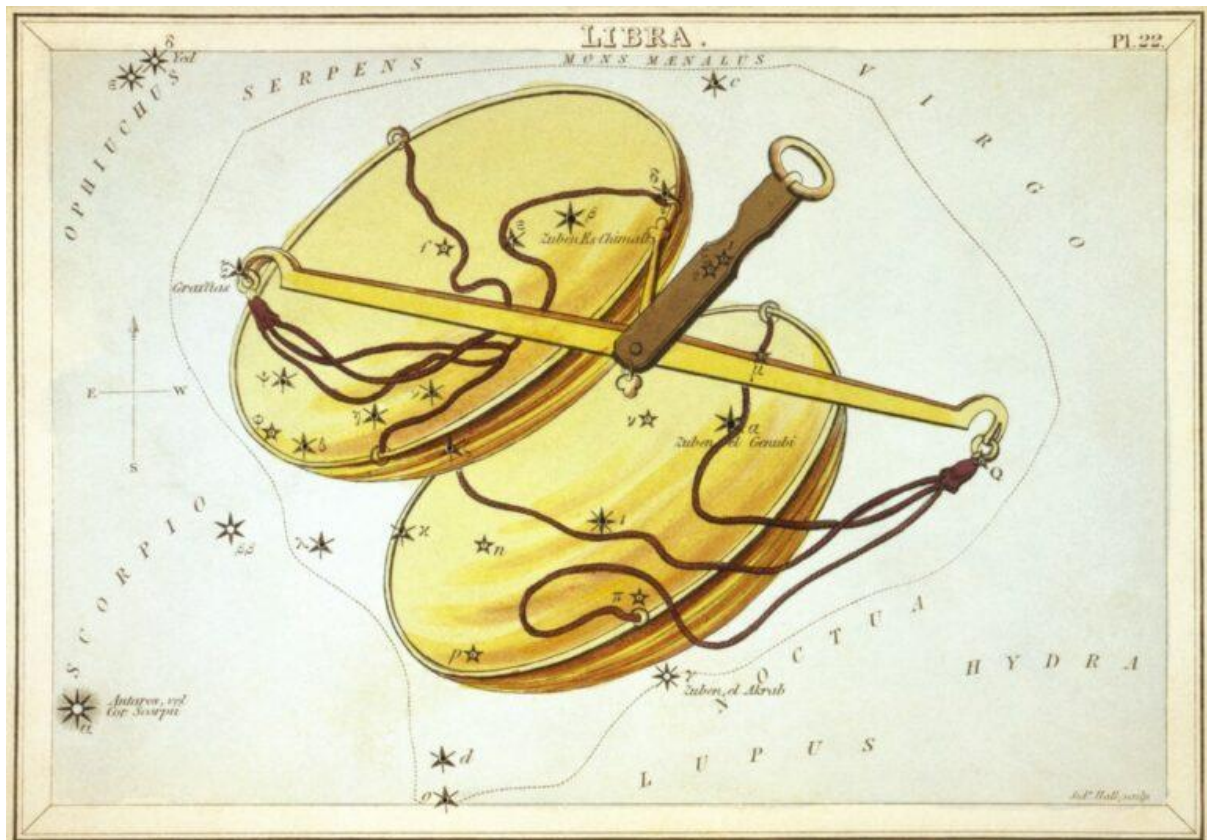
**Điểm mạnh:** Gọn gàng, cần cù, điềm tĩnh, thông minh sắc sảo

**Điểm yếu:** Thích bắt lỗi, cầu toàn, quan tâm đến vật chất

Bất cứ nơi nào trong biểu đồ ngày sinh của ta mà xuất hiện Xử Nữ, đây sẽ là nơi ta học được cách mài giũa khả năng phê phán nhằm hỗ trợ cho việc đánh

giá một cách thực tế hoàn cảnh hiện tại. Đây cũng là nơi ta giải quyết những vấn đề rõ ràng, thay vì phải suy đoán.

## 10. Libra (Thiên bình 23/9-22/10)



*Cung hoàng đạo tiếng Anh Thiên Bình*

- diplomatic: dân chủ
- easygoing: dễ tính. Dễ chịu
- sociable: hòa đồng
- changeable: hay thay đổi
- unreliable: không đáng tin cậy
- superficial: hời hợt

**Tuyên ngôn:** “*Chúng mình cùng hội cùng thuyền – Nên چرا đôi nha!*”

**Điểm mạnh:** Mang cảm giác về vẻ đẹp, khôn ngoan, hữu ích, thân thiện

**Điểm yếu:** Thất thường, thờ ơ, thích sự tiện lợi

Bất cứ nơi nào trong biểu đồ ngày sinh của ta mà xuất hiện Thiên Bình thì đó sẽ là nơi ta không mong sống chỉ vì chính mình. Chúng ta sẽ muốn kéo thêm người khác vào các hoạt động cá nhân của mình, có lẽ nhằm hưởng lợi từ ý kiến phản hồi của người đó.

## 11. Scorpio (Thiên yết 23/10-21/11)



- passionate: đam mê
- resourceful: tháo vát

- focused: tập trung
- narcissistic: tự mãn
- manipulative: tích điều khiển người khác
- suspicious: hay nghi ngờ

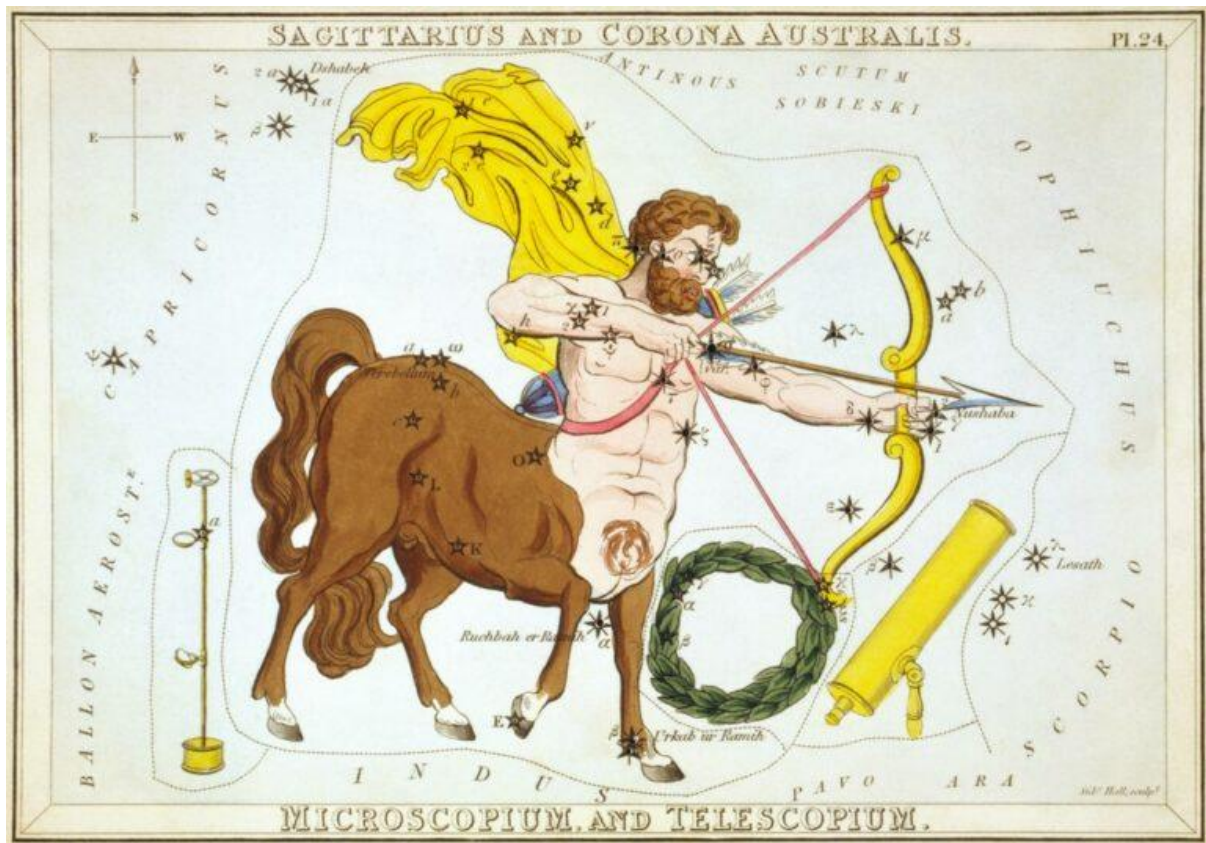
**Tuyên ngôn:** "*Tin tôi đi – cậu không cần phải biết những bí mật của tôi đâu!*"

**Điểm mạnh:** Quyết tâm, chăm chỉ

**Điểm yếu:** Thù hằn, thiếu tự chủ, bắt buộc, không tha thứ

Bất cứ nơi nào trong biểu đồ ngày sinh của ta mà xuất hiện Bọ Cạp thì sẽ là nơi ta không nên đánh giá mọi thứ qua vẻ bề ngoài. Đời sẽ cho ta những lý do xác đáng để đào bới những khía cạnh này sâu hơn, nhằm khám phá ra những yếu tố vô hình đang kiểm soát hoàn cảnh xung quanh nhiều hơn ta nghĩ.

## 12. Sagittarius (Nhân mã 22/11-21/12)



Cung hoàng đạo tiếng Anh Nhân Mã

- optimistic: lạc quan
- adventurous: thích phiêu lưu
- +straightforward: thẳng thắn
- careless: bất cẩn
- reckless: không ngại ngùng
- irresponsible: vô trách nhiệm

**Tuyên ngôn:** *"Tôi tin rằng tất cả chúng ta ở đây đều có vai trò gì đó!"*

**Điểm mạnh:** Cởi mở, từ thiện, thích phiêu lưu, dám nghĩ dám làm

**Điểm yếu:** Bồn chồn, bướng bỉnh

Bất cứ nơi nào trong biểu đồ ngày sinh của ta mà xuất hiện Nhân Mã thì sẽ là nơi cuộc sống cố gắng cho ta thấy mọi thứ có thể tốt đẹp đến mức nào, chỉ

cần ta tin tưởng vào bản thân nhiều hơn. Sự sợ hãi hoặc thiển cận sẽ không giúp ích cho ta trong lĩnh vực này.

12 Cung hoàng đạo tiếng Anh: Tính cách – Ý nghĩa mỗi cung hoàng đạo trên bạn có thể phỏng đoán theo bản thân 1 phần nào đó chính xác mà không nên tin hoàn toàn 100% nhé. Chúc bạn hiểu được bản thân và người khác qua 12 cung hoàng đạo nêu trên.